Phụ lục 04
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
PHƯỜNG LONG PHÚ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 2, 8, 13, 14, 18, 24, 51, 52 Phụ lục 04 ban hành kèm theo ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL04 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	2	Quốc lộ 80B		
		- Trần Phú - hết ranh Tân Châu	10.494	Sửa tên đường (Tên cũ: Trần Phú - ranh Long Phú)
2	8	Lê Anh Xuân: suốt đường	5.724	Sửa tên đường (Tên cũ: Lê Anh Xuân: đoạn Đường số 7 đến đường Lạc Long Quân)
3	13	Nguyễn Tất Thành: suốt đường	5.724	Sửa tên đường (Tên cũ: Nguyễn Tất Thành: đoạn Lê Anh Xuân đến ranh Long Phú)
4	14	Lạc Long Quân: suốt đường	5.724	Sửa tên đường (Tên cũ: Lạc Long Quân: đoạn Trần Phú đến ranh Long Phú)

TT	Số TT PL04 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
5	18	Lương Định Của (đường số 2 thuộc Khu TĐC 12,8 ha): Suốt đường	5.724	Sửa tên đường (Tên cũ: Lương Định Của (đường số 2 thuộc Khu TĐC 12,8 ha): đoạn Nguyễn Sinh Sắc đến Nguyễn Cư Trinh)
6	24	Tuyến dân cư Long Quới C: Suốt tuyến	1.728	Sửa tên đường (Tên cũ: Tuyến dân cư Long Quới C: Tuyến dân cư Long Quới B - Suốt tuyến)
7	51	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	1.314	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
8	52	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	1.051	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
	16	Đường số 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 thuộc Khu TĐC 12,8 ha		
II	**HỦY BỎ**			
1	52	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	1.051	
2	53	Các tuyến đường còn lại		Huỷ bỏ